

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 28/4/2021

V/v tranh chấp chia tài sản
chung là quyền sử dụng đất;
Hủy một phần giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hàng Lâm Viên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chinh

Ông Phạm Văn Mộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất; Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1943 (*có mặt*);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông La P, sinh ngày 01/01/1975 (*có mặt*);

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1969 (*có mặt*);;

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà La Thị T, sinh năm 1978 (*có mặt*);;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông La P, sinh năm 1975 (*có mặt*);;

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1971 (*có mặt*);;

+ Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1992 (*có mặt*);;

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1997 (*có mặt*);;

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ủy ban nhân dân huyện N; Chủ tịch UBND huyện N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành P - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N (*vắng mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện N: Ông Trần Duy D (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Những người thừa kế của ông Nguyễn D:*

+ Ông Nguyễn C1, sinh năm 1955 (*có mặt*);;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955 (*có mặt*);;

Địa chỉ: Thôn M1, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962 (*có mặt*);;

Địa chỉ: Thôn M2, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Nguyễn T (đã chết).

- *Những người thừa kế của ông Nguyễn T:*

+ Bà Trần Thị Q, sinh năm 1943 (*có mặt*);;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông La P, sinh năm 1975 (*có mặt*);;

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1969 (*có mặt*);;

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961 (*vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt*);

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Q và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông La P trình bày yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q cũng như ý kiến của ông La P; Ông La P khẳng định lời trình bày này là ý chí của bà Q cũng như của ông P:

Năm 1979, nhà nước cấp phát đất phần trăm cho gia đình bà Q gồm ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Thanh C, ông La P và bà La Thị T. Ông Đ là cha của ông Nguyễn T. Bà Q và ông T sinh được hai người con là ông C và ông Nguyễn Văn L. Sau đó ông T mất nên bà lập gia đình với người khác, sinh ra ông La P, bà La Thị T và ông La Thanh S. Bà Q và ông P không biết đất do hợp tác xã M cấp phát có nguồn gốc từ đâu, khi cấp phát hợp tác xã M chỉ nói miệng chứ không có giấy tờ. Ông P không nhớ tổng diện tích đất được cấp phát là bao nhiêu.

Qua đo đạc thực tế thì diện tích đất hiện nay là 3.194m² thuộc thửa đất 88, tờ bản đồ 28, thôn M, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Ranh giới đất không bị thay đổi, lấn chiếm gì so với trước đây. Đến năm 1986, đất bị nhiễm mặn nên gia đình không canh tác nữa mà bỏ trống. Sau đó đến năm 1990, gia đình tiếp tục canh tác nhưng vẫn không hiệu quả nên lại bỏ trống đất cho đến nay. Năm 2012 do Nhà nước mở đường nên gia đình mới biết ông C đã tự đi làm sổ đỏ cho 2.184m² phần đất được cấp phát của gia đình mà không hỏi ý kiến ai, ông C đã nhận 12.000.000 đồng là số tiền bồi thường cho 143m² đất bị thu hồi.

Nay bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án chia phần diện tích đất còn lại là 3.051m² thuộc thửa đất 88, tờ bản đồ 28, thôn M, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho 05 người gồm: ông Đ, bà Q, ông C, ông La P và bà T, mỗi người một phần đất bằng nhau và các thửa đất có mặt tiền giáp đường tỉnh lộ. Phần diện tích đất bị thu hồi ông C đã nhận tiền bồi thường thì bà Q cũng như ông P, bà T không tranh chấp.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 527445 ngày 28/3/2003 đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Nguyễn Thanh C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh C trình bày:

Ông Nguyễn Đ là ông nội của ông Nguyễn Thanh C. Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Đ có trước năm 1975, sau năm 1975 đất đưa vào Hợp tác xã nhưng vẫn giao cho ông Nguyễn Đ canh tác. Bà Trần Thị Q là mẹ của ông C và ông Nguyễn T là cha của ông C. Cha ông C đi kháng chiến chưa biết sống hay chết thì trước khi giải phóng 30/4/1975, bà Q có chồng khác và sinh ra ông P, bà T và ông S. Diện tích đất này, ông Đ cùng những người con của ông Đ canh tác, sau đó thống nhất giao cho ông C canh tác. Ông C đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận năm 2003 diện tích 2.184m² do thời điểm đó không đo đất mà chỉ kê khai, đăng ký và được cấp sổ. Hộ gia đình bà Q đã được nhà nước giao đất nhận khoán, trong đó vợ của ông C là bà Đỗ Thị L cũng được cấp chung nhưng toàn bộ diện tích đất này bà Q đang canh tác.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc chia quyền sử dụng đất hiện nay ông C đang canh tác là 3.051m² cho 05 phần gồm ông Đ, bà Q, ông C, ông P, bà T cũng như yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất thì ông C không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà La Thị T trình bày:

Bà T thống nhất lời trình bày của bà Trần Thị Q, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Đỗ Thị L, chị Nguyễn Thị Thanh N, chị Nguyễn Thị Ngọc O trình bày:

Việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên hộ gia đình ông Nguyễn Thanh C thực tế là đất của ông Nguyễn Đ cho ông C nên bà L, chị Ngọc và chị Oanh không có phần trong này. Theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q thì bà L, chị Ngọc, chị Oanh không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn C1, ông Nguyễn Văn L trình bày:

Bà Trần Thị Q có quan hệ tình cảm với ông Nguyễn T và sinh ra ông Nguyễn Thanh C và ông Nguyễn Văn L, sau đó bà Q tiếp tục quen người đàn ông khác sinh ra những người con sau này. Do đó, bà Q không sinh sống cũng như không phải con dâu của ông Nguyễn Đ nên không thể có chuyện bà Q chung sống chung nhà, chung hộ khẩu để được cấp đất chung. Ông Nguyễn Thanh C là cháu của ông Nguyễn Đ. Những người con khác của bà Q không huyết thống với ông Nguyễn Đ.

Quyền sử dụng đất hiện nay ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng có nguồn gốc của ông Nguyễn Đ có trước năm 1975, sau năm 1975 đưa vào Hợp tác xã nhưng vẫn giao cho ông Nguyễn Đ canh tác. Sau khi Hợp tác xã giải thể thì ông Nguyễn Đ canh tác, sau đó ông C tiếp tục canh tác và đăng ký được cấp sổ đỏ.

Quyền sử dụng đất này ông Nguyễn Đ để lại cho ông Nguyễn Thanh C nên ông Nguyễn Thanh C đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp. Ông C1, ông L không tranh chấp đất này với ông Nguyễn Thanh C nên không liên quan đến vụ án. Các ông không yêu cầu tham gia tố tụng cũng như không yêu cầu Tòa án đưa vào là người liên quan và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị S trình bày:

Ông Nguyễn Đ là cha ruột của bà D và bà S. Bà Q có quan hệ tình cảm với ông T (con ông Đ) sinh ra ông C và ông L, sau này bà Q còn quen với người đàn ông khác và sinh những đứa con sau này. Do đó, bà Q không phải con dâu ông Đ, không sống chung nhà, không có tên trong hộ khẩu để được cấp phát đất chung. Ông C là cháu của ông Đ, những người khác không chung huyết thống với ông Đ.

Quyền sử dụng đất mà ông C được cấp đối với thửa đất số 88, tờ bản đồ 28, thôn M, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận này có nguồn gốc là của ông Đ có trước năm 1975. Sau năm 1975 được đưa vào hợp tác xã nhưng vẫn do ông Đ canh tác. Sau khi hợp tác xã giải thể thì ông Đ vẫn tiếp tục canh tác, sau khi ông Đ mất thì ông C tiếp tục canh tác và đăng ký sổ đỏ. Bà D và bà S cho rằng khi ông Đ còn sống đã thống nhất cho ông C được thừa kế quyền sử dụng đất này nên hai bà không tranh chấp. Do đó, hai bà không liên quan đến vụ án, không yêu cầu tham gia tố tụng cũng như không yêu cầu Tòa án đưa vào là người liên quan; yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân huyện N trình bày:

Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - chi nhánh N là đơn vị thực hiện chức năng lưu trữ, quản lý hồ sơ địa chính... Theo Công văn số 476/VPĐKĐĐCNNH ngày 04/3/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - chi nhánh N cung cấp chỉ có Quyết định số 275/QĐ ngày 28/3/2003 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình và cá nhân; trong

đó có ông Nguyễn Thanh C và Tờ trình số 55-TT/NN-ĐC ngày 27/3/2003 của Phòng Nông nghiệp – Địa chính huyện N.

Do hồ sơ của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh N cung cấp không đầy đủ, chỉ có Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân và Tờ trình của Phòng Nông nghiệp và Địa chính nên không đủ cơ sở để có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện “Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy Lan nhân dân huyện N cấp cho ông Nguyễn Thanh C ngày 28/3/2003”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm:

- Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách của các đương sự.

- Quyền sử dụng đất nguyên đơn tranh chấp với bị đơn nhưng nguyên đơn không chứng minh được đây là quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình. Nguyên đơn trình bày về hạn mức cấp đất tương ứng với nhân khẩu để suy ra diện tích được cấp nhưng việc trình bày này cũng không có căn cứ vì nếu 05 nhân khẩu mỗi nhân khẩu được cấp 150m² thì tổng diện tích được cấp là 750m² trong khi diện tích đất tranh chấp hơn 3.000m².

- Nguyên đơn không có tài liệu chứng minh chung hộ khẩu với ông Nguyễn Đ. Quyền sử dụng đất có nguồn gốc của ông Nguyễn Đ đưa vào Hợp tác xã, sau khi hợp tác xã giải thể ông Đ vẫn canh tác nên nguyên đơn tranh chấp là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, đương sự

[1.1] Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia tài sản là quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 527445, số vào sổ cấp 00291 QSDĐ/275/2003/QĐ(H) do Chủ tịch UBND huyện N cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh C ngày 28/3/2003. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được Tòa án xác định là “tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

[1.2] Đương sự:

Nguyên đơn bà Trần Thị Q xác định diện tích đất yêu cầu Tòa án giải quyết là 3.051m^2 theo số liệu hội đồng thẩm định đã đo và trích lục thửa đất số 88, tờ bản đồ số 28, thôn M, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Diện tích thửa đất là 3.194m^2 trừ diện tích bị thu hồi là 143m^2 , còn lại 3.051m^2 bà Q yêu cầu chia cho 05 người gồm: Ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Thanh C, ông La P, bà La Thị T. Bà Q không yêu cầu giải quyết giá trị phần diện tích đất bị thu hồi mà ông C đã nhận tiền bồi thường. Do đó, ông Nguyễn Đ, ông La P, bà La Thị T là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông Nguyễn Đ sinh được nhiều người con nhưng đều chết khi chưa có vợ, con; hiện nay còn sống 03 người là ông Nguyễn C1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị S. Ông Nguyễn T là con của ông Nguyễn Đ; ông Nguyễn T là cha của ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Thanh C. Ông T chết trước ông Nguyễn Đ nên ông C1, bà D, bà S, ông L, ông C là người thừa kế của ông Nguyễn Đ – kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Vì quyền sử dụng đất đang tranh chấp ông Nguyễn Thanh C kê khai được cấp cho hộ gia đình ông C nên các thành viên trong hộ gia đình ông C gồm bà Đỗ Thị L, chị Nguyễn Thị Thanh N, chị Nguyễn Thị Ngọc O là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Thanh C, phần ký thẩm quyền ban hành trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi chủ tịch UBND theo quyết định cấp số 275/QĐ ngày 28/3/2005 nên Tòa án xác định Ủy ban nhân dân huyện N và Chủ tịch UBND huyện N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ủy ban nhân dân huyện N, Chủ tịch UBND huyện N, ông Nguyễn C1, ông Nguyễn Văn L có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt được Tòa án chấp nhận.

[2] Các đương sự tranh luận:

[2.1] Nguyên đơn Trần Thị Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tranh luận: Quyền sử dụng đất được hợp tác xã cấp cho hộ gia đình vào năm 1979 gồm 05 thành viên dựa trên số nhân khẩu trong hộ cùng thời điểm được nhà nước giao khoán đất; 05 thành viên của hộ được giao khoán đất phần trăm mỗi người được cấp 150m^2 . Sau khi được cấp đất, hộ gia đình có canh tác đất khoảng 05 năm thì bỏ hoang vì đất nhiễm mặn; không có nguồn nước tưới. Ông Nguyễn Thanh C tự kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái pháp luật. Nguyên đơn Trần Thị Q cũng như những người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan ông La P, bà La Thị T không có chứng cứ, tài liệu chứng minh cho nội dung tranh luận của mình.

[2.2] Bị đơn ông Nguyễn Thanh C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị S tranh luận cho rằng quyền sử dụng đất đang tranh chấp là của ông Nguyễn Đ đưa vào hợp tác xã; Trên danh nghĩa đưa vào hợp tác xã nhưng ông Nguyễn Đ vẫn canh tác. Sau khi hợp tác xã giải thể thì ông Nguyễn Đ vẫn canh tác. Ông Nguyễn Thanh C là cháu đích tôn của ông Nguyễn Đ nên những người thừa kế của ông Nguyễn Đ thống nhất cho ông C sử dụng và đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Thanh C còn tranh luận, nhà nước có giao khoán đất cho hộ gia đình bà Q các thửa đất khác không phải là thửa đất đang tranh chấp và các thửa đất này cấp cho hộ gia đình bà Q không có tên ông Nguyễn Đ nhưng có tên bà Đỗ Thị L là vợ của ông C. Bà Trần Thị Q, ông La P, bà La Thị T thừa nhận nội dung này. Bà Nguyễn Thị D tranh luận cho rằng trước ngày 30/4/1975, bà Q có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và sinh ra ông La P nên không thể nào có chuyện năm 1979, bà Q cùng các con là Phước, Thọ chung hộ khẩu với ông Nguyễn Đ.

[3] Đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử:

Bà Trần Thị Q, ông La P, bà La Thị T còn thừa nhận ranh giới thửa đất từ trước đến nay không thay đổi, ranh rào đã có từ thời ông Nguyễn Đ.

[3.1] Đơn khởi kiện: Bà Trần Thị Q xác định yêu cầu chia đất phần trăm của bà và hai người con là La P và La Thị T. Đơn xin xác nhận ngày 18/10/2019, bà Q trình bày đất được cấp cho Nguyễn Đ (cha chồng) chung hộ khẩu với bà năm 1979 nên được cấp đất chung gồm 05 thành viên. Tuy nhiên, hộ khẩu gia đình bà Q được cơ quan quản lý hành chính về nhân khẩu cung cấp từ trước đến nay hộ gia đình bà Trần Thị Q không có tên ông Nguyễn Đ. Không tìm thấy hộ khẩu của ông Nguyễn Đ.

[3.2] Bà Trần Thị Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bà Q đều cho rằng đất cấp phát phần trăm gồm 05 thành viên nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Theo biên bản hòa giải của UBND xã, bà Q thừa nhận ông Đ không chung hộ với bà, diện tích cấp phát bao nhiêu mét vuông không biết, không có tài liệu chứng minh việc cấp, giao đất. Thế nhưng tại phiên tòa, Bà Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bà Q cho rằng đất được cấp năm 1979 khi 04 thành viên là bà Q, ông C, ông P, bà T đang sống chung hộ với ông Nguyễn Đ.

[3.3] Bà Nguyễn Thị D (con ông Nguyễn Đ) phản đối, cho rằng khi chồng bà Q là ông Nguyễn T (con ông Nguyễn Đ) chưa biết còn sống hay đã chết thì bà Q đã chung sống với người khác và sinh ra ông La P nên không thể nói bà Q sống chung với ông Nguyễn Đ. Tài liệu trong hồ sơ chứng minh ông La P sinh ngày 01/01/1975 nên ý kiến phản đối của bà D là có căn cứ, chứng minh thời điểm năm 1979 bà Q, ông P, bà T không chung hộ với ông Nguyễn Đ. Tòa án yêu cầu UBND xã V cung cấp thông tin về nguồn gốc đất tranh chấp cũng như tài liệu chứng minh nhưng UBND xã V không cung cấp. Kết quả xác minh của Tòa án tại UBND xã V không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo nội dung yêu cầu UBND xã V cung cấp. Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/02/2021, những người còn sống trước kia đã tham gia Ban chủ nhiệm hợp tác xã cung cấp thông tin: Nguồn gốc đất tranh chấp của ông Nguyễn Đ đưa vào hợp tác xã, hợp tác xã phân chia đất phần trăm cho hộ gia đình mỗi người 150m² nhưng không ban hành quyết định hoặc văn bản giao đất, cấp phát đất; không có hồ sơ lưu; quyền sử dụng đất đang tranh chấp được cấp cho hộ gia đình gồm: Ông Đ, bà Q, ông C, ông P, bà T.

[3.4] Nếu việc cấp đất theo định mức 150m²/nhân khẩu thì 05 nhân khẩu là 750m². Thế nhưng, diện tích đất được tất cả các đương sự thừa nhận vẫn nguyên hiện trạng, ranh rào từ trước đến nay, nếu chưa bị thu hồi thì diện tích là 3.194m² nên thông tin về định mức cấp đất không phù hợp diện tích thực tế. Công an huyện N cung cấp sổ hộ khẩu gia đình năm 1979, 1989 hộ bà Trần Thị Q không có tên ông Nguyễn Đ. Cho đến trước thời điểm năm 2002 khi các thành viên trong sổ này tách hộ thì gồm có: Bà Q cùng các con: Phước (1), Thọ (2), Sang (3), Châu (4) và vợ của Châu là Lan (5) cùng con của Châu là Ngọc (6), Oanh (7), vợ ông La P là Phượng (8), và con của ông P, bà Phượng là Khánh (9). Ông S có tên nhưng cho rằng mình không được cấp đất và cho rằng không có quyền lợi liên quan; Bà Phượng, anh Khánh cho rằng không có quyền lợi của họ. Bà L và các con cũng cho rằng không có quyền lợi trong thửa đất này. Như vậy, số nhân khẩu trong hộ bà Q vào thời điểm năm 1979 không phù hợp và không có giá trị chứng minh những thành viên nào được cấp chung quyền sử dụng đất. Đặc biệt là bà Q cho rằng ông Đ cũng được cấp chung quyền sử dụng đất nhưng thực tế ông Đ không có tên trong sổ hộ khẩu này.

[3.5] Điều 3 khoản 29 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất”. Nguyên đơn khởi

kiện nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tòa án đã thực hiện hết tất cả các biện pháp thu thập chứng cứ nhưng cũng không có tài liệu để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Chính từ việc nguyên đơn không chứng minh được quyền sử dụng đất đang tranh chấp là tài sản chung của hộ gia đình dẫn đến yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà hộ gia đình ông C được cấp cũng không có căn cứ.

[4] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Tòa án chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên; Chấp nhận tranh luận của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bị đơn; Không chấp nhận tranh luận của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với nguyên đơn; Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản cũng như phí cấp trích lục thửa đất. Nguyên đơn là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn án phí. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 34, Điều 26 khoản 2, Điều 147 khoản 1, Điều 157 khoản 1, Điều 165 khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 khoản 4 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Điều 3 Khoản 29 Luật Đất đai năm 2014; Điều 102 khoản 1, Điều 212 khoản 1, Điều 219 khoản 1 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q đối với ông Nguyễn Thanh C về việc chia tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 88, tờ bản đồ số 28, thôn M, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, diện tích theo trích lục số 74/VP.ĐKĐĐCNNH ngày 31/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh N là 3.194m² (chưa trừ diện tích thu hồi);

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 527445 vào sổ cấp số 00291 QSDĐ/275/2003/QĐ(H) do UBND huyện N cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh C ngày 28/3/2003 đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ Ông Nhí, diện tích 2.184m², thôn M, xã V, huyện N, Ninh Thuận.

3. Bà Trần Thị Q phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản và trích lục thửa đất. Bà Q đã nộp đủ tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. Miễn án phí cho bà Trần Thị Q. Các đương sự khác trong vụ án không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/4/2021); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu (HS-AV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hàng Lâm Viên